

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2021.

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Dá.

2/ Ông Võ Tấn Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Sơn Thị L, sinh năm 1993 (có mặt).

HKTT: ấp K1, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ liên hệ: số nhà 00, đường B, tổ C, ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Tô P, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2020, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Sơn Thị L trình bày:

Giữa bà và ông P có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2014. Quá trình sống chung có nhiều

quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống ngày càng căng thẳng, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên đã ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Vợ chồng có con chung tên Tô Thị Ngọc Y, sinh ngày 15/01/2015 đang sống với bà.

Bà yêu cầu được ly hôn với ông P, được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, bà rút phần yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con do ông P không có khả năng kinh tế. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Tô P vắng mặt, quá trình giải quyết ông P có trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân, con chung như bà L trình bày, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân, không thể hàn gắn. Ông đồng ý ly hôn, thống nhất giao con nhưng không đồng ý cấp dưỡng. Trường hợp, bà L không đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì gửi con về cho ông, bà nội cháu nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung thống nhất không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Tô P có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập họp lệ nhưng cả hai lần mở phiên tòa bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua trình bày của các đương sự cho thấy bà L và ông P là tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2014 (bl 13) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hôn nhân của hai người không hạnh phúc do thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Đồng thời, khi hòa giải ông P đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận và chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông P là đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Theo bà L và ông P thì vợ chồng có con chung là Tô Thị Ngọc Y, bà L có yêu cầu nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bà L là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Ngọc Y từ khi sinh ra đến nay, về điều kiện kinh tế thì

bà L có việc làm và thu nhập ổn định để nuôi con, ông P không có nguyện vọng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Ngọc Y cho bà L nuôi dưỡng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà L rút lại yêu cầu này và việc rút là tự nguyện, lý do ông P không có khả năng và điều kiện để cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Sơn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị L được ly hôn với ông Tô P.
- Về con chung: Giao con chung là Tô Thị Ngọc Y, sinh ngày 15/01/2015 cho bà Sơn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Tô P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này.

- Tài sản chung, nợ chung (nghĩa vụ về tài sản) và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về cấp dưỡng nuôi con chung là Tô Thị Ngọc Y, sinh ngày 15/01/2015.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Sơn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003324 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, bà L đã nộp xong án phí. Ông Tô P không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai